

TÍNH NĂNG ĐỘNG XÃ HỘI, SỰ PHÂN TẦNG XÃ HỘI  
TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI CỦA NƯỚC TA NHỮNG NĂM QUA

TƯỜNG LAI

Cách đây năm năm, kết thúc báo cáo tổng kết công trình nghiên cứu khoa học do Viện Xã hội học phụ trách nằm trong chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước: *Điều tra cơ bản về kinh tế - xã hội Tây Nguyên* - mã số 48.C, chúng tôi có viết: "Trung tâm của mọi giải pháp là ở sự quan tâm đến con người, là sự nhận thức sâu sắc về nhân tố con người trong sự phát triển kinh tế và ổn định xã hội. Không phải là con người trừu tượng, mà là con người cụ thể, thành viên của các cộng đồng cư dân đang sống trên vùng lãnh thổ đặc thù này của đất nước. Phải tạo cho con người những cơ hội như nhau để cùng nhau phát triển, song sự phát triển đó sẽ còn tùy thuộc vào hoàn cảnh, vào năng khiếu và phẩm chất của từng cá nhân.

Hãy để cho sự phát triển đó phục tùng các quy luật nội tại của chúng, không có những thúc bách trói buộc hẹp hòi và định kiến.

Khi mỗi cá nhân, mỗi nhóm xã hội và mỗi cộng đồng đều nhận ra được hướng thăng tiến xã hội của họ, xã hội sẽ tìm ra nguồn động lực mới của sự phát triển"<sup>1</sup>.

Phát huy nguồn lực quyết định nhất: nhân tố con người, đã là và vẫn là định hướng quan trọng nhất trong những cuộc khảo sát xã hội học tiến hành trong mười năm qua và trong những năm sắp tới của Viện Xã hội học. Những công trình nghiên cứu trong các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước như "Những khía cạnh xã hội của nhà ở" mã số 26.01, "Điều tra cơ bản về kinh tế xã hội Tây Nguyên mã số 48.C, "Nghiên cứu về cơ cấu xã hội và định hướng giá trị trong quá trình chuyển đổi từ cơ chế cũ sang cơ chế mới" mã số A<sub>6</sub>O<sub>1</sub> và B<sub>3</sub>O<sub>6</sub> "Nghiên cứu khoa học xã hội và động thái dân số ở Việt nam" mã số VIE/88/P05, "Thực trạng cơ cấu xã hội và chính sách xã hội, dự báo hướng phát triển" mã số KXO<sub>4</sub>O<sub>2</sub> v.v.. tuy nội dung có những nét chuyên biệt, song hướng tìm tòi chủ yếu vẫn là nguồn lực quan trọng nhất của sự phát triển: con người trong những mối quan hệ kinh tế, xã hội, chính trị văn hóa.

Các đề tài nghiên cứu thực hiện theo yêu cầu của các địa phương và các tổ chức hữu quan khác như các đề tài nghiên cứu về Thái Bình, về Quảng Nam - Đà Nẵng nhằm "nhận diện và phân tích về cơ cấu xã hội và những biến chuyển xã hội từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần hoạt động theo cơ chế thị trường"; các đề tài thực hiện theo đơn đặt hàng của ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em Hà Nội "Khảo sát về trẻ lang thang trên đường phố ở Hà Nội", theo yêu cầu của Hải Hưng "Khảo sát về người già, thực trạng và xu hướng" v.v... tuy có những đối tượng và yêu cầu xác định, song cái trục quy chiếu để nhận diện và lý giải vẫn là con người trong những mối quan hệ đa dạng và phức tạp của nó. Để làm nổi rõ yêu cầu nhận diện và lý giải về con người trong những mối quan hệ ấy, chủ đề tập trung vào mục tiêu được xác định trong đề

<sup>1</sup> *Tây Nguyên trên đường phát triển*. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội 1989, trang 221.

cương nghiên cứu khoa học của Viện Xã hội học là các hướng tiếp cận của xã hội học nông thôn, xã hội học đô thị, xã hội học dân số và gia đình, xã hội học văn hóa và lối sống, xã hội học về chính sách xã hội v.v... tiến hành trong nhiều năm: Mục tiêu đó là: sự vận động và biến đổi của *cơ cấu xã hội và định hướng giá trị trong quá trình chuyển đổi* từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung và bao cấp sang cơ chế thị trường của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ kết quả những nghiên cứu ấy mà hình thành những khuyến nghị có cơ sở khoa học, góp phần xây dựng những *chính sách xã hội*. Những vấn đề lý thuyết và thực nghiệm xã hội học được triển khai trên quan điểm phát triển và trên cái nền của một thực trạng kinh tế nghèo nàn và lạc hậu đang cố gắng chuyển đổi nhanh sang hướng hiện đại và tiến bộ.

Trong 173 nước được UNDP (chương trình phát triển của Liên hiệp quốc) khảo sát, nước ta được xếp vào bậc 156 theo chỉ số GNP<sup>1</sup> đầu người, và ở bậc 115 theo chỉ số phát triển nhân bản HDI.

Như thế có nghĩa là, nếu dựa vào thuần túy sự tăng trưởng kinh tế thì Việt Nam được xếp vào loại các nước *kém phát triển*. Còn nếu dựa vào GNP kết hợp với các chỉ số phát triển nhân bản HDI, thì Việt Nam được đẩy lên 41 bậc, nằm trong số những nước *đang phát triển*.

Việc căn cứ vào các chỉ tiêu đạt được về văn hóa giáo dục và y tế cộng với GNP bình quân đầu người - mặc dầu các chỉ tiêu này còn quá hạn hẹp - để nhìn nhận về trình độ phát triển của một nước cũng đã thể hiện một quan điểm tiến bộ về sự phát triển. Quan điểm đó nhấn mạnh vào mục tiêu phục vụ con người của sự phát triển kinh tế.

Đúng vậy, con người vẫn phải là cái trục trung tâm qui chiếu mọi giá trị của những phát triển về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Con người vừa là mục tiêu của sự phát triển đồng thời cũng là động lực quyết định của sự phát triển ấy. Không có một chiến lược con người đúng đắn, không chăm lo bồi dưỡng cho nguồn lực quyết định ấy thì cũng không thể có sự phát triển bền vững. Sự nghiệp đổi mới của chúng ta cũng bắt đầu bằng sự đổi mới trong việc giải phóng sức sản xuất, khai thác và phát huy nguồn lực quyết định của sự phát triển.

Trong sự nghiệp đổi mới ấy, xã hội học phải là một công cụ hữu ích, bởi lẽ: "Mối quan tâm đối với đổi mới xã hội đã là một phần không thể tách rời của xã hội học từ buổi sơ khai cơ ngành khoa học này. Nhiều nhà xã hội học tiên bối đã lo ngại về những thay đổi xã hội diễn ra xung quanh họ, và muốn xây dựng xã hội học như một ngành khoa học toàn diện để khám phá những qui luật xã hội học của hành vi và xây dựng chính sách xã hội dựa trên những qui luật này. Nói cách khác, sử dụng một xã hội học khoa học để tổ chức lại xã hội...". Trả lời cho câu hỏi: "Những nhà xã hội học đã đóng góp gì cho chính sách và cải cách xã hội, và họ có thể thực sự mong muốn làm gì trong những lĩnh vực đó?", các tác giả của quan điểm trên cho rằng: có lẽ là một tiếp cận thực tế và chứa nhiều thông tin hơn đối với các vấn đề xã hội và các vấn đề của chính sách xã hội sẽ là đóng góp quan trọng nhất luôn luôn được khuyến khích. Xã hội học đóng một vai trò quan trọng trong việc xóa bỏ những huyền thoại và nhận thức sai lầm về các hiện tượng và thiết chế xã hội, và trong việc phân tích

<sup>1</sup> GNP: Tổng sản phẩm quốc gia, được tính bằng tổng giá trị tăng thêm trên phạm vi quốc gia và do quốc gia đó toàn quyền sử dụng (kể cả ở nước ngoài).

HDI: Phản ánh tổng hợp 3 yếu tố chủ yếu: một là GNP bình quân đầu người, hai là chỉ số phản ánh trình độ giáo dục dựa theo phần trăm biết chữ của người lớn và chỉ số phản ánh tiến bộ xã hội về y tế, đó là tuổi thọ bình quân

những vấn đề quan trọng đang gây tranh cãi"<sup>1</sup>.

Chính vì thế, theo Anthony Giddens, một học giả có uy tín, tổng biên tập của tủ sách: *Lý thuyết xã hội hiện đại*, diễn đàn của những tranh luận giữa những truyền thống lý thuyết và triết học khác nhau trong các ngành khoa học xã hội cũng như các trường phái tư tưởng lớn: "Cần có một sự nhập cuộc của xã hội học vào việc xây dựng những chính sách xã hội hoặc đổi mới cuộc sống. Ý tưởng cho rằng việc nghiên cứu xã hội có hệ thống sẽ là một cách trực tiếp tiến tới một xã hội ổn định với cách nhìn theo những kịch bản cách mạng của học thuyết Mác cho đến những phương thức nhằm đạt tới sự cải thiện cần có của khoa học xã hội, chính đó là một trong những nhân tố có ảnh hưởng đến việc hình thành bộ môn xã hội học sau chiến tranh thế giới lần thứ hai"<sup>2</sup>.

Dẫn ra những lời trên đây, chúng tôi chỉ muốn nhấn mạnh lý do vì sao, những năm qua trong thực tiễn của sự nghiệp đổi mới, Viện Xã hội học chú trọng nghiên cứu về thực trạng cơ cấu xã hội và định hướng giá trị nhằm nhận diện và phân tích về nguồn lực quan trọng nhất của sự phát triển để từ đó mà mạnh dạn đưa ra những khuyến nghị có cơ sở khoa học góp phần xây dựng những chính sách xã hội thúc đẩy sự phát triển.

Công việc nghiên cứu đang được triển khai, một số đề tài đã hoàn thành và đã nghiệm thu, ở đây chúng tôi không có tham vọng trình bày những kết quả nghiên cứu mà chỉ muốn từ những kết quả khảo sát xã hội học của công việc nghiên cứu nói trên để nhìn nhận về *tính năng động xã hội đang được khởi động, sự phân tầng xã hội đang diễn ra và những khuyến nghị về chính sách xã hội thích ứng với chúng trong công cuộc đổi mới*.

\* \*

\*

## I. TÍNH NĂNG ĐỘNG XÃ HỘI ĐANG ĐƯỢC KHỞI ĐỘNG.

Công cuộc *Đổi mới* được khởi động từ Đại hội VI. Năm, sáu năm trong đời sống của một dân tộc quả là ngắn, những thành tựu của công cuộc đổi mới chưa nhiều, song ý nghĩa to lớn của nó thì khó mà lường hết được. Nền kinh tế Việt Nam đang chuyển dần từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang cơ chế thị trường của nhiều thành phần kinh tế hoạt động theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nếu vượt qua những kết quả cụ thể, những con số thống kê để có một cái nhìn khái quát thì có thể nói rằng, nhịp sống đang chuyển động, tiềm năng của đất nước đang được đánh thức và tỏ rõ nhiều hứa hẹn mà điều quyết định là tiềm năng của con người đang được khai thác và phát huy.

Những khảo sát xã hội học trong thời gian qua đã ghi nhận được về tính năng động xã hội đang được khởi động, đang được đẩy tới. Theo chúng tôi, đó là cái được cơ bản có ý nghĩa nhận xét về mặt xã hội của công cuộc đổi mới.

Bởi lẽ, đó chính là động lực thúc đẩy nền kinh tế thị trường phát triển. Mỗi một cá nhân trong xã hội, ai cũng vậy, đều muốn có một cuộc sống ngày càng tốt hơn cho bản thân mình và gia đình mình, và nói chung thì đều muốn có thu nhập (hoặc nói cách khác là lợi nhuận) ngày càng cao. Song muốn là một chuyện, thực hiện được hay không là còn tùy thuộc vào nhiều nhân tố của chính bản thân mình và của xã hội. Mặt tích cực lớn nhất của kinh tế thị trường là nó đặt con người vào trong những điều kiện để có thể bộc lộ hết những mặt mạnh cũng như mặt yếu trong cuộc đua tranh để cố gắng kiếm được những lợi nhuận cao

<sup>1</sup> Tony Bilton, Kenvin Bonnett, Philip Jones, Michelle Stanworth, Ken Sheard và Andrew Webster. *Introductory Sociology*. Published by The Macmillan Press LTD. Second edition 1987, p.29,30.

<sup>2</sup> Anthony Giddens. *Social Theory and modern Sociology* Polity press. Cambridge. 1987.p.44

nhất. Cơ may và vận hội "nói theo thuật ngữ của Max Weber, nhằm chỉ những lợi thế và thu nhập do khả năng của thị trường đem lại, làm cho những ai có bản lĩnh và tài năng bắt kịp với đòi hỏi của thị trường để vươn lên đáp ứng kịp thời và do đó có thể xác lập được vị thế xã hội tương thích với nó.

Khi nói động lực của thị trường là lợi ích của cá nhân, ở ta, dễ ngộ nhận với chủ nghĩa vị kỷ cá nhân do vậy mà dễ cảm nhận theo nghĩa xấu, vì thế một số người cứ tưởng rằng, kinh tế thị trường thúc đẩy chủ nghĩa cá nhân, chạy theo đồng tiền, bất chấp tất cả. Có điều đó song không phải hoàn toàn chỉ có vậy. Trong nền kinh tế thị trường, mỗi cá nhân hành động theo những quy luật của mua và bán trong cộng đồng và trong toàn bộ xã hội và kết quả của chúng là cả lợi ích chính đáng của cá nhân và lợi ích của cộng đồng, của toàn xã hội đều được tôn trọng. Quy luật giá trị và giá cả, quy luật cung cầu, quy luật lợi thế tương đối trong cạnh tranh, quy luật thưởng phạt - cũng còn gọi là quy luật về giá phải trả cho sự lựa chọn v.v... những quy luật ấy của kinh tế thị trường đòi hỏi *tính năng động* của mỗi cá nhân, của mỗi nhóm xã hội để tồn tại và phát triển.

Tính năng động ấy bị mai một dần đi với cơ chế kế hoạch hóa tập trung và bao cấp trong một *mô hình xa lạ với chủ nghĩa xã hội*<sup>1</sup> mà có một thời ta cứ ngỡ rằng đó là chủ nghĩa xã hội.

Trong cái "mô hình xa lạ với chủ nghĩa xã hội" ấy, con người trên lý thuyết được đề cao, được ghi nhận là mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội "Tất cả vì con người", nhưng *trên thực tế*; lại dần dần bị đặt vào trong một cơ chế biến con người từng bước, từng bước chỉ còn là một cái đinh ốc trong bộ máy khổng lồ được điều khiển bởi những quyền uy tối thượng.

Đáng lý phải là một xã hội cao hơn những xã hội mà các cuộc cách mạng thế kỷ XVIII đã đem lại cho nhiều nước phương Tây, trong đó, mỗi công dân được coi là một chủ thể bình đẳng của xã hội có quyền sở hữu và được pháp luật bảo đảm, "*mô hình xa lạ với chủ nghĩa xã hội*" đã tước bỏ ổn thực tế vị trí làm chủ của người lao động vốn đã từng được xác lập trong một thời kỳ mà nhờ vậy đã đem lại những thành tựu kỳ diệu của Liên Xô. Cùng với việc lên án chế độ sở hữu tư nhân, dần dà người ta đẩy tới sự phủ định quyền tự do kinh tế và cùng với nó là các quyền tự do khác. Và đây là một trong những nguyên nhân bi thảm đẩy Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đi tới sụp đổ.

Nếu như học thuyết của Mác chỉ rõ rằng các cá nhân phải trở thành tự do thì họ mới có thể liên kết chặt chẽ và bền vững với nhau, "sự tự do của một người là điều kiện tự do của tất cả mọi người", thì khi tự do cá nhân của mỗi người bị hạn chế, bị tước bỏ sẽ đẩy tới nguồn động lực của sự phát triển bị xói mòn và đi đến chỗ bị triệt tiêu.

Chính Angghen đã từng nhắc lại hầu như nguyên văn ý tưởng của Hêghen khi bàn về Cách mạng Pháp 1789 "Từ khi mặt trời chiếu sáng trên bầu trời, và từ khi những hành tinh chạy vòng quanh mặt trời, người ta chưa bao giờ thấy *con người dùng đầu óc để đứng...* Chỉ từ Cách mạng Pháp, người ta mới biết là tư tưởng chi phối thực tại tinh thần. Đó là một bình minh vinh quang, mọi thực thể có tư tưởng đều tán tụng bình minh đó. Một thứ xúc cảm sâu sắc đã lan tràn suốt thời đại đó, một phần khởi của lý tính đã làm cho thế giới rung động, dường như có thể hòa giải được thần thánh với thế giới".

Ấy thế nhưng cái "*Lý tính*" mà Hêghen nói đến đã trải qua những bước thăng trầm và

<sup>1</sup> . Phạm Văn Đồng : *Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu, nước mạnh*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1993. trang 77

con người đã đụng đầu phải những nghịch lý mà có những thời kỳ dài người ta đã tưởng là có thể dễ dàng vượt qua. Cái "mô hình xa lạ với chủ nghĩa xã hội" mà một thời bị ngộ nhận là chủ nghĩa xã hội ấy lại tiếp tục làm tha hóa con người, làm cho con người "tự đánh mất mình" như Mác đã từng nói.

Tuyệt đối hóa chế độ công hữu khi mà trình độ kinh tế và xã hội còn đòi hỏi sự tồn tại của nhiều chế độ sở hữu, nhà nước nhân danh cho chế độ đó để thể hiện và thực hiện tất cả lợi ích của mọi tầng lớp cư dân, thậm chí kể cả quyền tự do cá nhân, mô hình đó đã bộc lộ rõ những sai lầm và cần phải được thay thế. Đổi mới là một nhu cầu sống còn của cả một dân tộc chính trên ý nghĩa đó.

Chủ nghĩa duy ý chí đơm màu sắc không tương thuận đồng nhất lợi ích xã hội trong một cơ cấu xã hội giản đơn, và thuần nhất, trên thực tế đã dẫn đến chủ nghĩa bình quân chia đều sự nghèo khổ, làm suy giảm nguồn lực của sự phát triển. Khi mà người nông dân xã viên đi làm nông nghiệp theo tiếng kèn của hợp tác xã thì dần dà cơ chế quản lý ấy đã đẩy tới một nghịch lý. Từ chỗ người nông dân đến xem "tác đất tác vàng", cần cù hai sương một nắng với đồng ruộng đã dẫn đến thái độ thờ ơ với ruộng đất, "cha chung không ai khóc", thậm chí để lúa chín rụng ngoài đồng có lúc không huy động được người đi gặt. Không nói đến trình độ quản lý dẫn đến chỗ phí phạm, thất thoát công của, tài sản của hợp tác xã; không nói đến tệ nạn tham nhũng của một số không ít người có chức có quyền trong bộ máy quản lý hợp tác xã, chỉ nói đến cái cơ chế "ghi công, chấm điểm" đẩy tới một chủ nghĩa bình quân trong phân phối sản phẩm, đánh đồng loạt như nhau giữa người làm nhiều, người làm ít, người không làm đủ chủ tiêu: nguồn động lực của sản xuất. Trong một thời gian khá dài, cơ cấu xã hội giai cấp ở nông thôn được nhìn nhận như là hết sức thuần nhất: chỉ có một giai cấp, đó là giai cấp nông dân tập thể. Cơ cấu xã hội nghề nghiệp cũng hết sức giản đơn: nghề xã viên? Xã viên trong các đội chuyên, xã viên trong đội vận chuyên, xã viên trong hợp tác xã mua bán v.v... Và chính cái quan điểm giản đơn về cơ cấu xã hội ấy đã là một trong những nguyên nhân của những chính sách kinh tế thể hiện đậm nét chủ nghĩa duy ý chí làm cho sản xuất nông nghiệp bị đình trệ. Một trong những nguyên nhân cơ bản của sự đình trệ ấy là không nhận thức đầy đủ lợi ích cá nhân của từng người nông dân xã viên là động lực chủ yếu thúc đẩy quá trình sản xuất. Một khi lợi ích cá nhân không được coi trọng, một khi mà những nét khác biệt trong tính cách, trong năng lực, trong sự lao động v.v... còn bị đánh đồng loạt như nhau thì tính năng động xã hội sẽ bị ngừng trệ. Những khuyết tật của cung cách ứng xử kiểu "khôn độc không bằng gốc đàn" trong xã hội tiểu nông bị động trông chờ, "trông trời, trông đất, trông mây, trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm" lại có dịp tái sinh dưới dạng thức mới. Cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp cùng với cách quản lý hành chính quan liêu trong những chùng mực nào đây đã nuôi dưỡng tính bị động trông chờ ấy.

Một bằng chứng sinh động cho thấy, chỉ cần một chuyển đổi chính sách, chuyển đổi cơ chế thì với một thời gian ngắn ta đã từ chỗ phải nhập khẩu lương thực đến việc đứng hàng thứ ba trong xuất khẩu gạo. Dẫn ra sự kiện này không là sự vội vã lạc quan để không nhận ra hết vô vàn những khó khăn đang ngiệt ngã thách thức nền sản xuất nông nghiệp của ta, nhưng là một minh họa cho luận điểm về tính năng động xã hội một khi được khởi động sẽ có thể tạo ra những đột biến mới. Có thể dẫn ra nhiều. Ví dụ khác trên nhiều hoạt động kinh tế ở các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ khác để đưa ra những chỉ báo sinh động cho tính năng động xã hội đã được đẩy tới như thế nào.

Khi Đảng ta chủ trương đẩy mạnh "nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước cũng có nghĩa là xóa bỏ mô hình của cơ

ché kế hoạch hoá tập trung, bao cấp và thừa nhận tính đa dạng, phức tạp vốn có của xã hội đang tồn tại, đang vận động. Chính lợi ích cá nhân, thành viên của những nhóm xã hội khác nhau tạo nên tính đa dạng và phức tạp ấy.

Nếu đa dạng hóa cấu trúc là một nhân tố thúc đẩy sự phát triển, thì với việc chấp nhận nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần sẽ tạo ra một nhịp điệu mới trong cuộc đua tranh, khiến cho những tài năng được phát triển, những tiềm năng được phát huy. Thị trường sẽ sàng lọc và tuyển chọn ứng tài năng và làm thức dậy những tiềm năng. Đương nhiên, cái cơ chế nghiệt ngã và lạnh lùng của cuộc cạnh tranh sẽ quật ngã một số người này đồng thời cũng tôi luyện một số người khác có được bản lĩnh vươn lên, tạo thành những "điểm trời" trong đời sống kinh tế và xã hội. Tính năng động xã hội được đẩy tới từ sự chu chuyển nghề nghiệp, địa điểm cư trú, cung cách làm ăn, cải tiến kỹ thuật, lựa chọn công nghệ để thích ứng với thị trường khai thác lợi thế tương đối của cá nhân, hoặc của những nhóm xã hội v.v... Chính tính năng động ấy đang làm chuyển biến khá nhanh diện mạo kinh tế xã hội và lối sống của nhiều tầng lớp cư dân trong những năm gần đây. Những khảo sát của Viện Xã hội học trong thời gian qua ở Hà Nội, ở Quảng Nam - Đà Nẵng, ở Thái Bình, ở Quảng Ninh, ở Hải Phòng v.v... qua những mẫu đại diện ở đô thị và ở nông thôn đã ghi nhận được những "điểm trời" như vậy.

Tính năng động xã hội đã bước đầu bộc lộ. Tuy nhiên cũng chỉ là *bước đầu*, còn nhiều yếu tố ràng buộc và cản trở tính năng động xã hội ấy. Sức ỳ của những tập quán, thói quen, nếp nghĩ được tạo ra hàng chục năm trong "mô hình xa lạ với chủ nghĩa xã hội" đang còn nặng nề không thể một sớm một chiều rũ bỏ được. Và cũng sẽ là hết sức sai lầm nếu không nhận thấy mặt trái của tấm huân chương. Cùng với những thành tựu được gặt hái từ cơ chế thị trường vừa được khởi động với nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, những rác rưởi và tật bệnh của nền kinh tế thị trường đang hình thành ấy đòi hỏi phải có ngay những liều thuốc đặc hiệu và những cuộc tẩy uế thường xuyên. Những vấn đề xã hội bức xúc nhất đề ra từ cơ chế thị trường là cái hố ngăn cách giữa người giàu và người nghèo sẽ càng sâu hơn, là số lượng người thất nghiệp bị ném ra vỉa hè ngày càng tăng. (Nhìn rộng ra nền kinh tế thị trường của các nước tư bản phát triển nhất có thể thấy rõ những khuyết tật ấy chỉ qua vài con số: 3,3% thu nhập của thế giới dành cho 40% dân số thế giới, ở nước giàu mạnh nhất là Mỹ đã có hơn 8 triệu rưỡi người thất nghiệp, còn ở thị trường chung châu Âu thì con số đó là 14 triệu 600 nghìn người).

Một chính sách xã hội nhằm thúc đẩy tính năng động xã hội cũng đồng thời phải bao hàm trong đó những giải pháp vừa cụ thể, vừa lâu dài để ngăn chặn, để hạn chế để chữa trị những hậu quả xã hội tiêu cực nhằm đảm bảo tính kiên định của đường lối kinh tế.

Tính năng động của những chủ thể sản xuất góp phần tạo ra tính năng động xã hội, và ngược lại tính năng động xã hội cũng đặt những chủ thể sản xuất vào trong guồng máy của thị trường, có sự đua tranh và tự sàng lọc. Thúc đẩy hơn nữa tính năng động xã hội ấy để làm chuyển biến mạnh nền kinh tế và cùng với nó là chuyển biến nếp tư duy, nhịp điệu sống phù hợp với cơ chế một cần được xem là một trong những mục tiêu quan trọng nhất của chính sách xã hội.

## II- SỰ PHÂN TẦNG XÃ HỘI ĐANG DIỄN RA

Giải phóng sức sản xuất tạo ra nguồn động lực của sự phát triển, đó là mục tiêu lớn nhất của việc chuyển đổi cơ chế, từ kế hoạch hóa tập trung, bao cấp sang cơ chế thị trường của nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước. Vai trò quản lý của nhà nước chính là sự điều chỉnh vĩ mô và thông qua hệ thống pháp luật để thúc đẩy sự



phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa được cụ thể hóa trong nội dung của mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh”. Cũng vì thế, vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền đồng thời được đặt ra song song với việc thúc đẩy nền kinh tế thị trường theo định hướng nói trên.

Nội dung của việc xây dựng nhà nước pháp quyền rất rộng, ở đây, từ sự tiếp cận xã hội học, chúng tôi hiểu rằng cốt lõi của nhà nước pháp quyền là nhằm thực hiện được sự tự do cá nhân trong khuôn khổ của luật pháp. Nội dung của sự tự do ấy - sự tự do của cá nhân công dân - là rất rộng, nhưng chung quy lại, có thể hướng vào ba vấn đề cơ bản nhất: tự do kinh tế, tự do chính trị và tự do xã hội. Những nội dung này đã được thể hiện trong Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Khi nói đến tự do kinh tế thì về nguyên tắc các thành phần kinh tế đều được tự do phát triển trong khuôn khổ của luật pháp. Như thế củng cố nghĩa là xã hội chấp nhận sự cạnh tranh lành mạnh giữa các hình thức kinh tế. Trong cuộc cạnh tranh ấy, cố những nhóm xã hội hoặc cá nhân nổi trội lên trong kinh tế, và vì thế cũng sẽ giành được những địa vị xã hội tương thích với chúng.

Cơ chế thị trường, vì vậy, đẩy tới sự phân tầng xã hội, điều ấy là tất nhiên. Mỗi cá nhân hay mỗi nhóm xã hội, qua quá trình sàng lọc tự nhiên của qui luật thị trường trong tiến trình phát triển sẽ được đặt vào những vị thế không giống nhau. Theo quan sát của chúng tôi, từ những chỉ báo ghi nhận được qua các khảo sát xã hội học ở nông thôn và đô thị, thông thường có ba yếu tố có tác dụng quyết định đến quá trình phân tầng đó: một là yếu tố *sở hữu*, hai là yếu tố *quyền lực*, ba là yếu tố *trí tuệ*.

Khi dùng khái niệm "phân tầng xã hội", chúng tôi vận dụng cách tiếp cận của Max Weber về cách phân tích cơ may và hoàn cảnh kinh tế của mỗi người trong thị trường, vị thế và vai trò xã hội của họ, và cùng với hai cái đó là địa vị của họ trong hệ thống quyền lực (bộ máy nhà nước).

Như vậy cũng có nghĩa là, trong khi quán triệt quan điểm Mác xít để nhìn nhận về giai cấp và đấu tranh giai cấp, chúng tôi sử dụng thuật ngữ và cách tiếp cận của Max Weber để thuận lợi hơn trong sự nhận diện về thực trạng và con đường phát triển kinh tế thị trường ở nước ta với những triển vọng tốt đẹp bên cạnh những khuyết tật không thể tránh khỏi của nó.

Với Max Weber, mỗi xã hội, về mặt lịch sử, đều độc nhất và phức tạp. Theo ông "sự nghiên cứu nhân quả có thể được định hướng theo hai hướng mà người ta gọi, để đơn giản hóa, là tính nhân quả lịch sử và tính nhân quả xã hội học. Tính nhân quả lịch sử quyết định cái hoàn cảnh duy nhất đã gây ra một sự biến nhất định. Tính nhân quả xã hội giả định sự thiết lập một quan hệ đều đặn"<sup>1</sup> Chính vì thế, "toàn bộ tư duy nhân quả của Max Weber được diễn đạt bằng các thuật ngữ xác suất và cơ may"<sup>2</sup>.

Do vậy, ông cố gắng chứng minh rằng không có sự quyết định phiến diện của một yếu tố đối với toàn bộ xã hội, dù yếu tố đó là kinh tế, chính trị hay tôn giáo. Max Weber quan niệm các quan hệ nhân quả của xã hội học như là những quan hệ bộ phận và có xác suất. Các quan hệ đó là những quan hệ bộ phận theo nghĩa là một mảnh nhất định của hiện thực làm cho một mảnh khác của hiện thực có xác suất hay không có xác suất.

Tiếp cận của Max Weber về sự bất bình đẳng là giới thiệu một loại phạm trù mô tả có thể được sử dụng để mô tả sự bất bình đẳng ấy trong bất cứ một xã hội nhất định nào. Ông ta đã phân tích quyền lực kinh tế có thể thu lượm được từ sự chiếm hữu quyền lực dựa trên các nền tảng khác. Địa vị xã hội hay uy tín có thể xuất phát từ quyền lực kinh tế, nhưng rõ ràng đây không là trường hợp tất yếu. Ông đã đưa ra những trường hợp mà nhà

<sup>1,2</sup> Raymond Aron. "*Les élapes de la pensée sociologique*". Gallimard. 1967, trang. 512, 517.

doanh nghiệp này hay nhà doanh nghiệp khác mới phát lên, họ chưa có đủ một học vấn nhờ đã có quá trình giáo dục hay một truyền thống văn hóa để đạt được một vị thế xã hội ở bậc cao. Ông nhấn mạnh tầm quan trọng của *thị trường* như là cơ sở kinh tế cho giai cấp hơn là *tài sản*. Theo Max Weber, nguyên nhân đầu tiên của bất bình đẳng trong chủ nghĩa tư bản là *khả năng chiếm lĩnh thị trường*, tức là cái mà nhà doanh nghiệp nhờ bản lĩnh riêng của mình mà chiếm lĩnh được hoặc là tay nghề có được mà người lao động làm thuê có thể bán được trong thị trường của lao động<sup>1</sup>.

Nêu lên một cách sơ lược những luận điểm của nhà xã hội học Max Weber, chúng tôi muốn nói rõ hơn lý do vì sao cần bổ sung cách tiếp cận của ông trong việc nhận diện về quá trình chuyển đổi của xã hội ta sang nền kinh tế thị trường với việc hình thành nên những nhóm xã hội, những giai tầng xã hội khác nhau mà nếu chỉ dừng lại ở khái niệm giai cấp thì không đủ. Theo Max Weber sự duy lý hóa hoạt động của cộng đồng do đó, không hề có hậu quả là một sự phổ biến hóa của nhận thức về các điều kiện và các mối quan hệ của hoạt động ấy, mà điều rất thường xảy ra là nó đưa tới kết quả ngược lại. Một cái nhìn giản đơn, một cách phân tích sơ lược theo những mô thức quen thuộc có sẵn không cho phép nhận diện hiện thực một cách đầy đủ.

Từ những khảo sát xã hội học ở một số mẫu đại diện của khu vực đô thị và nông thôn trên một số tỉnh, thành; chúng tôi đã ghi được những "điểm trời" về mặt kinh tế trên cái mặt bằng chung của sự phát triển. Những "điểm trời" ấy có thể là những nhà doanh nghiệp mới nổi lên ở đô thị, có thể là những "nhóm vượt trội" ở nông thôn. Những "điểm trời", "những nhóm vượt trội" này thông thường là những nhóm đã hội đủ hoặc tương đối đã ba yếu tố mà chúng tôi đã nói ở trên. Phân tích kỹ vào các chiều cạnh của những điểm trời, những nhóm vượt trội này đã bước đầu có thể nhận xét rằng *yếu tố quyền lực* có vai trò rất lớn. Phần lớn những người nổi trội lên về kinh tế đều có mối liên hệ rất chặt với yếu tố quyền lực. Hoặc chính bản thân họ đang nắm giữ những vị trí quan trọng liên quan đến chức năng kinh tế của bộ máy quyền lực, hoặc con cháu họ hay những người có liên quan mật thiết với họ. Vai trò của *yếu tố trí tuệ* chưa thật nổi trội, thông thường nó lẫn do trong hai yếu tố sở hữu và quyền lực. Tuy vậy, qua các số liệu thu nhận được từ những khảo sát cho thấy là không có sự đứt đoạn giữa phân tầng về kinh tế và tái tạo về văn hóa.

Ở đô thị, những người nổi trội lên về kinh tế và về vị thế xã hội, đại bộ phận đều có trình độ đại học và đều có mối quan tâm đến việc học hành của con cái<sup>2</sup>.

Ở nông thôn, những nhóm vượt trội trong nông nghiệp có những nét đặc thù. Khái niệm vượt trội trong kinh tế không thể và không nên hiểu theo nghĩa đơn thuần kinh tế. Vì vậy, khi đánh giá về năng lực vượt trội trong kinh tế nông nghiệp lẽ đương nhiên chủ yếu phải quan tâm đến mức độ làm giàu bằng kinh tế, song ngoài ra còn phải tính đến các chuẩn mực và giá trị chính trị, văn hóa v.v... để làm sao sự vượt trội trong kinh tế không loại trừ, mà còn kéo theo sự tiến bộ văn hóa, xã hội<sup>3</sup>.

Hơn nữa, sự thành đạt cá nhân không chỉ tùy thuộc vào môi trường sống hay hệ thống

<sup>1</sup> Có thể hiểu kỹ hơn nếu tham khảo chương *Pauems of Inequality* (Các kiểu bất bình đẳng) trong *Introductory Sociology*, sách đã dẫn, trang 34 đến 85.

<sup>2</sup> Xem thêm các bài viết của các tác giả Phạm Bích San và Trịnh Duy Luân đăng trên *Tạp chí Xã hội học số 4. 1992*.

<sup>3</sup> Xem Tô Duy Hợp *Nhóm xã hội vượt trội trong kinh tế nông nghiệp ở tỉnh Thái Bình hiện nay*. Báo cáo khoa học Kỳ yếu Hội thảo đề tài KXO<sub>4</sub>O<sub>2</sub>



tương tác hành vi của họ, nó còn do sức sáng tạo và năng động, rồi kinh nghiệm của mỗi cá nhân. Phần lớn các hộ làm ăn khá trong nông thôn hiện nay đều là những người đã thoát ly trở về, hoặc cố tham gia công tác xã hội ít nhiều. Họ có được bồi dưỡng về mọi mặt văn hóa, kỹ thuật hay kinh nghiệm trong xã hội. Sự gặp gỡ giữa năng lực cá nhân và nền tảng xã hội, văn hóa của họ có thể đã đẩy tới những thành công ở mỗi cá nhân hơn là bất cứ yếu tố đơn lẻ nào ...

Rõ ràng là sự phân hóa về năng lực, về tầm nhìn, về cách giải quyết các vấn đề kinh và đời cũng đã bắt đầu được thể hiện. Sự khác biệt theo làng xóm hay địa vị không hề có ý nghĩa của một sự ưu đãi về số phận. Do là sự vận động từ chiều sâu lịch sử của những cộng đồng bé nhỏ với những con người cụ thể của mình trước những dữ kiện về thiên nhiên, về địa lý, xã hội và kinh tế của mình để đạt tới một cách nghĩ, cách xem xét và các hành động phù hợp hoặc ưu việt hơn bất cứ con người ở cộng đồng khác... Ở đây có thể hiểu rằng những năng lực kinh tế khác nhau của các nhóm hộ từ mức đủ ăn phần đầu trở thành khấm khá và từng bước đi vào kinh tế thị trường không hề đứng im tại chỗ mà luôn có cơ may để phát triển hay tình huống để sa sút. Điều căn bản cho sự thành công hay thất bại của các nhóm nằm ở nền tảng văn hóa của họ dưới dạng mô hình văn hóa khác nhau. Sự gặp may nhất thời không thể hứa hẹn gì nhiều cho tương lai của họ.

Trước các mô hình văn hóa ấy, cách nhìn về quá khứ, về kinh nghiệm của mình hay của người khác cũng như cách nhìn về hiện tại và tương lai thông qua các dự định, đầu tư, vay vốn, hay mở rộng sản xuất đều có ý nghĩa nhất định về phân tuyến các hộ nông dân theo- các chiều của sự phát triển, thái độ với lao động và việc làm, tiền bạc và kỹ thuật, kỷ luật và uy tín... sẽ còn là những tiêu chí để phân định các nhóm thuộc xu hướng nào trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường<sup>1</sup>.

Qua xử lý số liệu khảo sát "có thể nhận xét chung là hộ vượt trội kinh tế trong thực tế có tỉ trọng trên dưới 5% trên tổng mẫu điều tra là 300". Điều dễ thấy nữa là, hộ kinh tế hỗn hợp (nông nghiệp gắn với các nghề phụ) có điều kiện vượt trội hơn cả. Và đây gần như là một tính quy luật phổ biến trong chuyển đổi kinh tế hiện nay. Mặc dầu vậy, không có phương hướng phát triển sản xuất kinh doanh là tình trạng phổ biến rộng khắp các hộ gia đình, kể cả các hộ "vượt trội" và có khả năng "vượt trội"<sup>2</sup> (ở Thái Bình).

Có thể thấy được rằng, qua khảo sát ở nông thôn các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ và Duyên Hải miền Trung, sự phân hóa giàu nghèo đã nổi lên rõ nét trên một mặt bằng chung là ở mức sống dưới trung bình và nghèo khổ. Ngay ở những nhóm "vượt trội" cũng chưa thấy xuất hiện phổ biến những nhà kinh doanh nông nghiệp có khả năng làm đầu tàu cho việc thúc đẩy nền sản xuất nông nghiệp đi vào kinh tế thị trường. Phổ biến hơn cả vẫn chỉ là những người biết làm giàu lên trong kinh tế nông nghiệp đều trông chờ vào trồng màu, rau vụ đông, kinh tế vườn hoặc VAC. Việc đào tạo những nhà doanh nghiệp trẻ ở nông thôn cần phải được suy nghĩ nghiêm túc ngay từ bây giờ.

Một khi mà với chế độ khoán ruộng đất bình quân theo nhân khẩu như hiện nay, mỗi người không quá 2 sào (như ở Thái Bình), nhỉnh hơn chút ít (như ở Quảng Nam - Đà Nẵng) thì người trồng lúa giỏi nhất cũng chỉ đủ ăn, lấy đầu ra thóc để bán. Để đa dạng hóa ngành nghề, thoát ra khỏi nghề thuần nông độc canh lúa còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố mà

<sup>1</sup>. Xem Nguyễn Đức Truyền Phân hóa xã hội trong nông thôn Thái Bình. Cơ cấu và những mô hình văn hóa của sự phát triển. Báo cáo khoa học - Kỹ yếu Hội thảo khoa học của đề tài KXO<sub>4</sub>O<sub>2</sub>.

<sup>2</sup>. Xem Tô Duy Hợp. Tài liệu đã dẫn.

không phải hộ nông dân nào cũng có thể tìm thấy được. Dễ chuyển đổi hộ nông dân tự cấp sang hộ nông dân sản xuất hàng hoá đòi hỏi một quá trình bao gồm việc chuyển giao kỹ thuật canh tác mới để nâng cao năng suất lao động và tăng thu nhập; tạo được nhiều việc làm phi nông nghiệp; hình thành được thị trường nông thôn. Khi chưa có một hệ thống tín dụng để giúp đa hộ nông dân nghèo; chưa có một hệ thống chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chưa đẩy mạnh việc phát triển công nghiệp và dịch vụ nông thôn thì quá trình trên còn gặp nhiều khó khăn và ách tắc. Khoảng cách giữa những "nhóm vượt trội" ở nông thôn và ở đô thị còn cách quá xa về trình độ, về kỹ thuật, về mức sống, về lối sống. Nói như vậy không có nghĩa là đô thị đã đạt được mức sống cao.

So với nông thôn thì đúng là đô thị có mức sống cao hơn, sự phân tầng xã hội diễn ra cũng nhanh hơn, tuy nhiên nếu so sánh trong tương quan với thế giới và khu vực thì đô thị ở nước ta vẫn ở trình độ phát triển thấp. Qua tháp phân tầng, thấy rất rõ đại bộ phận các tầng lớp cư dân ở đô thị cũng như ở nông thôn, đặc biệt là ở nông thôn, đều còn ở mức sống dưới trung bình và nghèo khổ. Bộ phận trung lưu chưa chiếm được đa số và nhìn chung thì mức sống của nhóm xã hội này vẫn còn ở ranh giới giữa trung bình và nghèo khổ. Đó cũng là tình trạng chung của những nước kém phát triển.

Bộ phận nghèo khổ chiếm một tỉ lệ khá lớn. Ở nông thôn, đó là những gia đình già yếu neo đơn thiếu lao động hoặc là gia đình đông con quá nhiều suất "ăn theo", những gia đình có hoàn cảnh riêng ốm đau? bệnh tật, một số khác vụng tính, không biết cách làm ăn và cũng không loại trừ một số ít lười lao động, rượu chè, cờ bạc, nghiện ngập. Cuộc vận động xoá đói giảm nghèo đang phải đương đầu với một đối tượng khá lớn.

Ở đô thị, cũng là những gia đình già yếu neo đơn, những công nhân không đủ việc để làm, những người vừa mới rời khỏi nhà máy hoặc xí nghiệp nhà nước chưa kiếm được công ăn việc làm, những cán bộ về hưu chỉ trông chờ vào lương hưu ít ỏi không kiếm thêm được việc để có thu nhập thêm.v.v... Cũng có thể nói một cách khác, đó là bộ phận *không có* hoặc *chưa có khả năng thích ứng với cơ chế thị trường* đang đòi hỏi những trợ giúp của nhà nước, của xã hội.

Tuy nhiên, có một điều cần lưu ý là, kết quả các cuộc khảo sát cho thấy sự giàu lên tuyệt đối và sự nghèo đi tương đối của các nhóm đình và nhóm đáy của tháp phân tầng phản ánh mối tương quan giữa kinh tế và xã hội trên một cái nền chung là mức sống đều được nâng cao so với trước đổi mới, loại trừ một số cá biệt chiếm một tỷ lệ rất nhỏ. Cũng có thể hiểu rằng, sự nghèo đi tương đối thường gắn liền với mức giàu lên tuyệt đối. Có nghĩa là nếu nền kinh tế được phát triển, số người giàu có "vượt trội" tăng lên thì nó cũng kéo theo mức sống chung của toàn xã hội. Do vậy, trong tương quan ấy, mức sống của người nghèo cũng được nhích lên.

Đương nhiên, sự cách biệt giàu nghèo và cái chuẩn của sự định vị giàu và nghèo không hoàn toàn giống nhau giữa những vùng lãnh thổ khác nhau, càng rất khác nhau giữa đô thị và nông thôn.

Trong một cuộc khảo sát ở Hà Nội tiến hành năm 1992 theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên, phỏng vấn qua bảng hỏi kết hợp với phỏng vấn nhóm tập trung và điều tra sâu qua các chỉ báo thu nhập được về tiện nghi sinh hoạt, nhà ở, các mục chi tiêu, và sự trả lời về mức thu nhập đã có thể quan sát thấy 5 loại nhóm hộ gia đình lập thành một tháp phân tầng theo mức sống. Tỷ lệ như sau: 4% nghèo khổ, 12% dưới trung bình, 49% trung bình, 30% trên trung bình và 5% giàu có.

Chuẩn của *hộ nghèo* được xác định là: việc làm không ổn định, khó khăn về nhà ở và tiện nghi sinh hoạt tối thiểu và thu nhập dưới 200.000 đ/tháng<sup>1</sup>.

Cùng với phương pháp trên, đã áp dụng phương pháp tiếp cận lịch sử đời sống của các gia đình, chú trọng đến 5 biến số độc lập : nguồn gốc xuất thân của chồng và vợ, trình độ học vấn và tay nghề qua các giai đoạn; nghề nghiệp và sự chuyển đổi, sự thăng tiến, vị thế chính trị hay mức độ tham gia vào bộ máy quyền lực, môi trường nơi cư trú. Những biến số này làm nổi rõ đặc điểm về mặt kinh tế của hộ gia đình. Qua phân tích các mối tương quan và cùng với những số liệu thu thập được từ những cuộc phỏng vấn chúng tôi cố gắng lý giải một vấn đề: liệu sự phân tầng đang diễn ra ấy có tác động thúc đẩy sự phát triển không. Các nhóm vượt trội lên về kinh tế đã ghi nhận được có đủ điều kiện giữ vai trò tích cực trong sự phát triển bền vững của xã hội hay không, sự vượt trội về kinh tế có gắn với sự vượt trội về văn hóa hay không. Bởi lẽ, chỉ có thể có sự phát triển bền vững một khi sự bứt lên về kinh tế gắn liền với sự tái tạo về văn hóa nhằm tạo ra một giai tầng xã hội năng động, bắt kịp với những thành tựu của xã hội hiện đại.

Sự phân tích sơ bộ những thông tin thu nhận được cho phép đưa ra những nhận xét sau :

1 - Các nhóm vượt trội lên về kinh tế cũng đồng thời có sự vượt trội về văn hóa tính trong mối tương quan với trình độ chung của các tầng lớp cư dân của Hà Nội. Các chỉ báo điển hình là trình độ văn hóa của bản thân và sự đầu tư cho việc học hành của con cái. Tuy vậy, nếu có sự đối sánh với các nước đã phát triển, hoặc một số nước đang phát triển, những nước NIC trong khu vực thì diện mạo văn hóa của nhóm xã hội vượt trội này, còn ở mức chưa tương xứng.

2 - Trong các nhóm vượt trội lên đó, một bộ phận đáng kể là các hộ gia đình thuộc nhóm quan chức có quyền lực (hoặc là bản thân họ, hoặc con cháu họ, hoặc người thân cận) đã nhanh nhạy nắm bắt cơ may để khai thác lợi thế của mình nhằm chiếm lĩnh những vị trí trong các đầu mối kinh tế, hoạt động kinh doanh, nhạy bén tiếp cận với thị trường để chủ động thích nghi với cơ chế mới.

Vậy phải chăng bộ phận những nhà doanh nghiệp có kiến thức có kinh nghiệm và có bản lĩnh sẽ được hình thành ngay trong đội ngũ những nhà quản lý (hoặc những người có mối liên hệ mật thiết với họ) hiện đang có cơ hội tham gia vào guồng máy kinh tế và có điều kiện chiếm lĩnh những vị trí then chốt? Phải chăng qua sự sàng lọc của thị trường, sẽ xuất hiện những con người hội đủ các điều kiện để đảm đương sự nghiệp đổi mới trên lĩnh vực kinh tế.

3 - Cùng với sự hình thành các nhóm vượt trội là sự tăng cường tính di động xã hội, thể hiện ở dòng chảy lao động theo hướng chuyển trong các khu vực quốc doanh ra các khu vực ngoài quốc doanh. Tính năng động xã hội đã phân tích ở mục I có nguyên nhân quan trọng là từ sự dịch chuyển đó. Bộ phận lao động ngoài quốc doanh tỏ ra năng nổ và nhạy bén trong cơ chế thị trường. Trong sự dịch chuyển này, đã quan sát thấy càng ngày càng nhiều những lực lượng lao động đáng kể tham gia vào các khu vực kinh tế không chính thức, giữ vai trò như một bước quá độ trung gian cho sự chuyển tiếp lực lượng lao động hiện tại bước vào một hệ thống mới của nền kinh tế thị trường. Chỉ một lĩnh vực xây dựng nhà cửa cũng đã thấy rõ điều này. Theo Chủ tịch Ủy ban

<sup>1</sup> Theo *Niên giám thống kê* - Nhà xuất bản Thống kê năm 1993. trong mục "Cân đối thu nhập quốc dân", ghi nhận quỹ tiêu dùng cá nhân 1990 là 19.486 đ. 1991 là 20.032đđ. 1992 là 20.877. (trang 25).

nhân dân thành phố Hà Nội thì năm 1992, tổng số vốn đầu tư cho xây dựng nhà ở, cửa hàng, nhà khách của nhân dân trong các thành phần kinh tế đã lớn gấp cả chục lần so với đầu tư của ngân sách. Đây mới chỉ tính riêng số có giấy phép xây dựng và cải tạo. Theo ước tính, còn một diện tích tương đương như vậy mà nhân dân đã đầu tư xây dựng và cải tạo nhưng chưa có giấy phép<sup>1</sup>. Vậy đã có bao nhiêu lực lượng lao động, bao nhiêu chất xám được huy động vào lĩnh vực này trong vài năm qua?

4 - Trong cơ cấu dân cư, người Hà Nội gốc ước tính khoảng 38% (38,1% trong mẫu nghiên cứu, tính số người đã sinh ra ở Hà Nội, bố mẹ là người Hà Nội, hiện nay vẫn ở Hà Nội). Sự di động xã hội theo một hướng rất rõ: người các nơi đổ về Hà Nội. Chưa quan sát thấy dòng chu chuyển ngược lại, người từ Hà Nội đi rồi lại trở về.

Sự dịch chuyển hướng tâm như vậy đã hạn chế các quan hệ ngang, hạn chế sự chu chuyển chất xám và công nghệ bậc cao. Chất xám và công nghệ bậc cao ấy chỉ tập trung ở địa bàn thủ đô mà không lan tỏa đi nhiều vùng lãnh thổ khác của đất nước (đương nhiên ngoại trừ thành phố Hồ Chí Minh). Điều này cản trở việc hình thành thị trường chất xám và trình độ công nghệ bậc cao trong cả nước.

Mặt khác, sự dịch chuyển hướng tâm một chiều như vậy sẽ đẩy tới việc hình thành một đô thị tập trung quá cỡ và quá tải mà hệ quả lâu dài của nó sẽ khó khắc phục. Đây là chưa nói đến số người đổ dồn vào trung tâm Hà Nội, bám lấy mặt đường, tạo ra một diện mạo hình ống của kiến trúc nhà đô thị, phá vỡ cảnh quan vốn có của Hà Nội và làm trầm trọng thêm sự không cân đối giữa nhà cửa mới xây với kết cấu hạ tầng đã quá cũ nát.

Những khảo sát xã hội học ở thành phố Đà Nẵng và thành phố Hải Phòng cũng cho phép khẳng định thêm những nhận xét nói trên về quá trình phân tầng xã hội ở đô thị trong những năm qua.

\*

\* \*

Một vấn đề bức xúc và nghiêm túc đặt ra từ sự phân tầng xã hội ấy sẽ là: nếu phân tầng xã hội như là một điều không thể tránh khỏi của cơ chế thị trường của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, hơn nữa ở một khía cạnh khác, nó còn tạo ra động lực của sự phát triển, nhưng đồng thời, sự bất bình đẳng trong thu nhập và kéo theo nó là phân hóa giàu nghèo ngày càng nổi rõ, vậy thì mục tiêu *công bằng xã hội* mà chế độ ta hướng tới sẽ được thực hiện như thế nào ?

Lý tưởng phấn đấu của chúng ta là hướng tới một xã hội không có người bóc lột người là độc lập, tự do, hạnh phúc của tổ quốc, của dân tộc và của mỗi con người. Đó là một xã hội đưa loài người đến một trình độ văn minh cao hơn tất cả những nền văn minh đã có.

“ Khúc ca khai hoàn chung cuộc là khẳng định quyền làm chủ của con người, làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân, thực hiện mục tiêu vĩ đại: sự phát triển tự do và toàn diện của mỗi người là điều kiện của sự phát triển tự do và toàn diện của mỗi người<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Theo thời báo kinh tế Việt Nam số 13 (50) trang 3, cột 3.

<sup>2</sup> *Phạm Văn Đồng Hồ Chí Minh và con người Việt Nam trên con đường dân giàu nước mạnh*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1993, trang 8.

“Một thời đại lớn lao như vậy không thể diễn ra nhanh chóng, mà trải dài trong khoảng thời gian hàng thế kỷ”<sup>1</sup>.

Ấy vậy nhưng, đã có lúc, người ta đã tưởng là đã có thể thực hiện ngay được trong vài ba kế hoạch năm năm! Theo chỉ dẫn của Mác và Angghen, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã đi từ "Chủ nghĩa xã hội không tưởng đến chủ nghĩa xã hội khoa học". Song trong quá trình thực hiện, một "mô hình xa lạ với chủ nghĩa xã hội", một mặt đường như vẫn chưa thoát khỏi những ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội không tưởng, mặt khác lại dần xa rời với những nguyên lý đúng đắn của Mác và Lênin. Vì thế, chẳng những không thực hiện được công bằng xã hội, không giải quyết được mối tương tác biện chứng giữa công bằng xã hội và tự do cá nhân, mà lại dần dần bị méo mó, trở thành chủ nghĩa bình quân bao cấp, đặc quyền đặc lợi, hạn chế tự do cá nhân làm triệt tiêu dần động lực của sự phát triển.

Ở nước ta như trước đây, công bằng xã hội vẫn từng là mục tiêu được nêu lên như là một lời vẫy gọi cao cả, song quá trình thực hiện lại dần dần dẫn đến chủ nghĩa bình quân bao cấp, chia đều sự nghèo khổ. Mặt khác, trong khi kế thừa và phát huy lên một bước mới truyền thống cộng đồng vốn đã là thột sức mạnh chống ngoại xâm, giữ nước và dựng nước, chúng ta lại không chú trọng khác phục mặt trái của truyền thống đã từng hòa tan cá nhân vào trong cộng đồng, không tôn trọng cá nhân, không hướng tới mục tiêu giải phóng cá nhân. Nhấn mạnh một chiều nền kinh tế tập thể và quốc doanh, đề cao hết mức ý thức tập thể, thậm chí dẫn đến chỗ đối lập với cá nhân, không tôn trọng lợi ích cá nhân, điều ấy làm thui chột và triệt tiêu động lực của sự phát triển.

Sự nghiệp đổi mới đòi hỏi một chuyển đổi cơ bản về nhận thức và từ đó cũng chuyển đổi hệ thống giá trị phù hợp với sự chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Cơ chế đó cho phép và tạo điều kiện cho tự do cá nhân phát triển không chỉ trên lĩnh vực kinh tế, mà còn từ kinh tế dẫn đến những quyền tự do khác. Chính sự phấn đấu cho lợi ích chân chính của cá nhân cũng sẽ đem lại lợi ích cho cộng đồng và cho toàn xã hội, "dân giàu" thì mới có "nước mạnh".

Rõ ràng là cần xuất phát từ đặc điểm dân tộc và bối cảnh của thời đại mới để có một quan điểm độc lập và sáng tạo trong việc xác định mục tiêu công bằng xã hội gắn với tự do cá nhân bao gồm cả tự do kinh tế, tự do chính trị và tự do xã hội. Đương nhiên phạm trù công bằng xã hội cũng như phạm trù tự do cá nhân mang tính cụ thể lịch sử. Nội dung của công bằng xã hội cũng như phạm vi của tự do cá nhân được quy định bởi trình độ kinh tế, trình độ văn hóa đã đạt được trong tiến trình phát triển của đất nước.

Chẳng hạn như, trong một bối cảnh kinh tế đang còn chậm phát triển, nạn thất nghiệp đang là một vấn đề xã hội bức xúc thì tự do kinh tế đòi hỏi phải được công nhận quyền đem *bán* sức lao động của mình cho người khác sử dụng để đổi lấy những cái mà mình cần. Đã công nhận quyền tự do được *bán* sức lao động tức cũng phải công nhận quyền tự do được *mua* sức lao động đó. Lao động phải là thột thứ hàng hóa đặc biệt và là một yếu tố không thể thiếu được của nền kinh tế thị trường. Đương nhiên, sự mua và bán đó phải được thực hiện trong hành lang pháp luật. Phải dùng luật lao động để bảo vệ quyền lợi của người lao động chứ không thể tự giam mình vào trong mệnh đề đạo đức chống bóc lột để tước bỏ khả năng kiếm công ăn việc làm, tức là khả năng tự

<sup>1</sup> Phạm Văn Đồng. *Hồ Chí Minh, quá khứ, hiện tại và tương lai*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội. 1991. Tập II, trang 8.



nguyên bản sức lao động, cũng tức là tước bỏ khả năng tạo công ăn việc làm của mọi thành phần kinh tế trong khi nhà nước thì không đủ lực.

Công bằng xã hội không có gì giống với chủ nghĩa bình quân. Quá trình chuyển đổi từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu lên một xã hội giàu có, văn minh thì sự phân tầng xã hội như một tất yếu kinh tế, vượt ra khỏi những ước muốn chủ quan. Làm theo năng lực hưởng theo lao động, tức là hưởng theo đúng những cái mà mình đã tạo ra cho xã hội. Đương nhiên trước khi tiến hành phân phối cho cá nhân, xã hội phải khấu trừ đi một số khoản chi phí quản lý chung để góp vào dự trữ và tích lũy của xã hội. Và vì thế "những người lao động, nghĩa là hết thảy mọi người vẫn sẽ sở hữu và hưởng thụ sản phẩm toàn bộ của mình, nhưng mỗi người lao động riêng rẽ lại không được hưởng thụ toàn vẹn của lao động của mình<sup>1</sup>. Đó là sự công bằng xã hội cần phải được xác lập trong xã hội ta hiện nay. Xã hội đi lên trong đội hình hình thoi chứ không hề dàn hàng ngang mà tiến! Thật là lý tưởng nếu như có thể đặt tất cả mọi người trước một thời cơ và vận hội như nhau. Mà cho dù có ít được một ước mơ đẹp như vậy thì tiếp theo đó vẫn có những người vượt lên và những người rơi rụng trong cuộc đua, và thông thường, một đại bộ phận nằm ở quãng giữa. Cũng một thời cơ như nhau - giả dụ là có chuyện đó - thì mỗi con người có những điều kiện, những năng khiếu bẩm sinh, những khuyết tật cũng như những tài năng rất khác nhau, không ai giống ai. Và do vậy, sự thăng tiến xã hội của mỗi người cũng không đều nhau được. Một chiến lược con người đúng đắn là phải biết tôn trọng và phát huy mọi tiềm năng vốn có trong mỗi con người, tạo điều kiện cho nó phát triển. Hơn nữa, phải biết chăm sóc và vun vén cho những "điểm trời" trong xã hội, thúc đẩy chúng phát triển để tạo ra những nguồn động lực và những sức hút. Phải lên án mạnh mẽ cái triết lý "khôn độc không bằng ngọc đàn" Lại càng không thể quản lý xã hội và chăm sóc thể hệ trẻ như kiểu các cụ ta chăm sóc và cắt tia hàng rào dâm bụt trước ngõ. Ngang bằng, thẳng tắp ngọn nào trời lên là cắt phăng ngay để đạt cho được sự đồng đều đẹp mắt.

Tính cộng đồng là một sức mạnh truyền thống. Chúng ta tự hào về truyền thống tốt đẹp của dân tộc, biết giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình tiếp nhận những thành tựu của văn minh mà thế giới hiện đại đã đạt được. Cách đây 47 năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đòi hỏi con người Việt Nam cần "biết xử sự như người con của một dân tộc đã có một nền văn hóa lâu đời, *nhưng lại có đủ khả năng để trẻ lại*"<sup>2</sup> (Tôi gạch dưới. TL).

Nền văn hóa đồ trẻ lại bắt đầu từ bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Và không phải là ngẫu nhiên mà Chủ tịch Hồ Chí Minh lại mở đầu Tuyên ngôn Độc lập bằng việc trích dẫn Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của cách mạng Pháp năm 1791, chú ý đặc biệt đến những ý tưởng: "*Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc*", "*Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi*".

Kể từ tháng 8 năm 1945 trở về trước lịch sử nước ta chưa hề trải qua một cuộc cách mạng xã hội theo ý nghĩa đích thực của nó. Vấn đề nhân quyền, vấn đề giải phóng .

<sup>1</sup> *Mác Angghen tuyển tập* - Tập VI. trang 90.

<sup>2</sup> Diễn văn của Hồ Chủ Tịch đọc tại Paris ngày 2-9-1946, bằng tiếng Pháp. Bản dịch của Nguyễn Tuấn Liêu. Báo đoàn kết số 35 (từ 28 đến 3-9-1993)

cá nhân chưa hề được đặt ra trong xã hội cổ truyền với phương thức sản xuất châu Á. Cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 do Đảng ta lãnh đạo có nội dung của một cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, lần đầu tiên những vấn đề về nhân quyền, về giải phóng cá nhân, về thực hiện quyền tự do cá nhân công dân mới được đề cập đến. Nhưng, ngay sau ngày tuyên bố độc lập, nhân dân ta đã phải triển khai lực lượng chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập của tổ quốc, giải phóng dân tộc. Trong cuộc chiến tranh kéo dài, vấn đề giải phóng cá nhân, tự do cá nhân chìm trong giải phóng dân tộc, bảo vệ lợi ích dân tộc - Cái thế ứng xử đặt lợi ích dân tộc, lợi ích cộng đồng lên trên lợi ích cá nhân lại có dịp phát huy trên một bình diện mới.

Thế nhưng, khi bắt tay vào công việc xây dựng lại đất nước mà nhiệm vụ hàng đầu là phát triển kinh tế thì thế ứng xử nói trên không còn giữ vị trí ưu thắng của nó nữa. *Nguồn động lực* của sự phát triển kinh tế không thể chỉ được tìm về trong ý thức cộng đồng mà còn là và chủ yếu là trong lợi ích chân chính của cá nhân. Cơ chế kế hoạch hóa tập trung và bao cấp trong cái "mô hình xa lạ với chủ nghĩa xã hội" đã dần dần làm suy giảm và đi tới chỗ triệt tiêu nguồn động lực đó. Chính điều ấy là một trong những nguyên nhân đẩy tới sự khủng hoảng kinh tế xã hội mà muốn vượt qua được đòi hỏi phải có sự đổi mới sâu sắc và toàn diện, trong đó sự đổi mới nhận thức về lợi ích của cá nhân công dân, về công bằng xã hội và tự do cá nhân là một nội dung cực kỳ quan trọng.

Sự khủng hoảng đó không phải là sự thất bại của sức mạnh cộng đồng truyền thống, mà là sự thất bại của việc không nhìn nhận đúng vai trò của cá nhân tạo nên sức mạnh cộng đồng, không đánh giá đúng và tôn trọng lợi ích cá nhân của người công dân.

Sẽ còn nhiều việc phải làm để bảo vệ quyền tự do của con người công dân trong một thói quen cần phải hình thành: *Sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật*". Sự nghiệp đổi mới đang đòi hỏi những nhận thức mới về quyền tự do công dân thực hiện trong cơ chế mới được pháp luật bảo vệ. Chính trong bối cảnh ấy mà lý giải về sự phân tầng xã hội và về công bằng xã hội. Chỉ trên cơ sở lý giải đúng vấn đề này mới có thể xây dựng những chính sách xã hội hợp lý, mở đường tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế, mọi cá nhân công dân đều có thể có cơ hội phát huy mọi tiềm năng trong thị trường.

Một mặt, phải có những chính sách xã hội hướng vào những đối tượng gặp khó khăn, không thích nghi đối với cơ chế thị trường hỗ trợ cho người nghèo, cứu trợ người gặp những cảnh ngộ đặc biệt nhằm góp phần tạo nên tính ổn định xã hội.

Mặt khác, lại phải có những chính sách xã hội nhằm thúc đẩy những nhóm xã hội hoặc những cá nhân đang đi đầu trong sản xuất và kinh doanh, họ là những "điểm trời", những nhóm "vượt trội" phát huy hết tiềm năng trong sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Một trong những nội dung quan trọng để thực hiện điều này là tạo ra niềm tin lâu dài và vững chắc bằng cách ban hành những thể chế luật pháp đảm bảo quyền lợi của họ, hướng họ phát huy bản lĩnh sáng tạo vào sự nghiệp phát triển. Cùng với việc đó, sự đầu tư mạnh dạn và thiết thực để nâng cao năng lực nghiệp vụ, trình độ văn hóa của họ để họ có thể đuổi kịp với trình độ chung của thế giới, trước hết là với các nước trong khu vực đang có sự phát triển nhanh. Việc chủ động hình thành một tầng lớp những nhà doanh nghiệp mới có đủ trình độ và bản lĩnh để có thể làm ăn với các nhà đầu tư nước ngoài đang vào ngày càng nhiều. Đã quá muộn để dốc sức vào việc này, nhưng muộn còn hơn không.

Nhằm trả lời một câu hỏi vừa mang tính lý luận vừa có ý nghĩa thực tiễn lớn: *Ai sẽ là nhân vật xã hội tiên tiến giữ vai trò đầu tàu* thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, những khảo sát xã hội học đang được triển khai. Kết quả đạt được của những khảo sát ấy sẽ góp phần vào việc hình thành những kiến nghị khoa học nhằm xây dựng những chính sách xã hội có tác động mạnh mẽ vào việc xác lập vị trí của những nhân vật xã hội tiên tiến ấy trong sự nghiệp mới của chúng ta.

\*

\* \*

Khi nói đổi mới là nhu cầu đã chín muồi của cuộc sống cũng có nghĩa là cuộc sống luôn tự mở đường đi tới cho chính nó.

Trên con đường ấy còn vô vàn chông gai, trở lực. Bởi lẽ, công cuộc đổi mới mà chúng ta đang theo đuổi là chưa có tiền lệ. Nhưng xét đến cùng thì hơn bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước, bản lĩnh của dân tộc ta đã được hình thành, củng cố và thường xuyên được tôi luyện. Những việc lớn lao mà dân tộc ta đã làm cũng chưa có tiền lệ nhưng với bản lĩnh quật cường, trí thông minh cũng như sự cần cù và sáng tạo, dân tộc ta đã trụ vững bên bờ Thái Bình Dương vừa ưu ái, vừa nghiệt ngã.

Và chẳng, theo Lỗ Tấn "trên mặt đất vốn không có đường, người ta đi lâu sẽ thành đường thôi". Nhắc lại ý tưởng ấy để khẳng định rằng, con đường của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa sẽ rõ dần trên nhịp bước của dân tộc đang đi tới trong bối cảnh của một thế giới mới.

Theo nhịp bước ấy, xã hội học đang cố gắng góp phần nhỏ bé của mình vào sự nghiệp lớn lao của dân tộc vốn đang rất cần sự đóng góp của bộ môn khoa học còn non trẻ này.



*Phó giáo sư Tô Duy Hợp, Trưởng phòng Xã hội học nông thôn, mở đầu Những hội thảo khoa học kỷ niệm Mười năm thành lập Viện xã hội học với chủ đề: "Nhóm vượt trội trong nông nghiệp ở tỉnh Thái Bình"*